

BÀN VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

Nam Hà *

Đây là tên gọi và cũng đồng thời là mô hình hoạt động của một trường đại học thuộc hệ thống các trường đại học ngoài công lập của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đó là một chân lý đã được xã hội công nhận và các nhà lãnh đạo cấp cao của nước ta qua 25 năm xây dựng và phát triển đánh giá - chỉ đạo nghiên cứu mở rộng mô hình này.

Phần thứ nhất

Quá trình thành lập và phát triển của Trường Đại học dân lập Quản lý và Kinh doanh Hà Nội

Ngày 15 tháng 6 năm 1996 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 405/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học dân lập Quản lý và Kinh doanh Hà Nội và ngày 19 tháng 5 năm 2006 ra Quyết định số 750/QĐ-TTg đổi tên thành Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.

Trường do Giáo sư Trần Phương, Chủ tịch Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam, nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Phó Thủ tướng) đứng đầu cùng các nhà khoa học, các nhà tri thức, công chức nhà nước đã nghỉ hưu,... có tâm huyết vì sự hưng thịnh của nền giáo dục đại học nước nhà thành lập, là các nhà sáng lập trường.

1. Bối cảnh ra đời của các trường ngoài công lập

Sau khi hòa bình được lập lại hoàn toàn ở miền Bắc từ năm 1954, theo mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội thì Nhà

nước có trách nhiệm chăm lo cho dân mọi nhu cầu: kể từ cái ăn, cái mặc, công ăn việc làm,... cho đến việc học hành, chữa bệnh,... Căn cứ vào mô hình đó, mọi loại hình trường tư thục đã từng tồn tại thời đó ở miền Bắc nước ta đều phải chuyển thành trường công lập. Trường công lập trở thành hình thái duy nhất của hệ thống giáo dục quốc dân.

Nhưng chỉ qua hai mươi năm thì mô hình quản lý kinh tế – ta thường có ấn tượng là “quan liêu, bao cấp” – không còn có sức thuyết phục và phải chuyển sang thực hiện chính sách của nền kinh tế nhiều thành phần. Chính sách kinh tế nhiều thành phần đã mở ra triển vọng phát triển cho các trường ngoài công lập, bởi nó cho phép thu hút vốn đầu tư và nhân lực từ nhiều tầng lớp trong xã hội để mở trường. Và thế là từ đầu những năm 90 của thế kỷ trước, do nhu cầu ngày càng cao của xã hội về giáo dục đào tạo trong khi nguồn ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, hệ thống các trường ngoài công lập đã trở thành một lực lượng ngày càng quan trọng bên cạnh lợi thế của các trường công lập.

Để khảo sát tổng thể về loại hình trường ngoài công lập (không chỉ là các trường đại học mà bao gồm cả các trường trung cấp, cao đẳng, trung học phổ thông, trung học cơ sở, mầm non, mẫu giáo, v.v., có thể thấy sự phát triển đa dạng và sự phấn đấu cho sự tồn tại

* Nhà báo

và phát triển cũng vô cùng phong phú, đa dạng. Đó là, nếu xét theo tiêu chí ai là người bỏ vốn đầu tư thành lập trường ngoài công lập, thì các trường này tạm phân chia làm 2 loại:

Loại thứ nhất: các trường do các tổ chức xã hội nghề nghiệp thành lập và trường của tư nhân, được gọi là **trường dân lập**.

Loại thứ hai: các trường do một người hoặc một nhóm người bỏ vốn thành lập. Đó là **trường tư thực**. Loại hình trường này thường chiếm tỉ lệ nhiều trong số các trường ngoài công lập.

Ở khu vực trường tư thực (xã hội hay gọi tắt là trường tư) có thể phân chia thành 2 loại xét theo tiêu chí *lợi nhuận* và *phi lợi nhuận*.

+ Loại thứ nhất là những trường theo đuổi mục tiêu lợi nhuận. Loại trường này có thể do một người hay một gia đình thành lập và thu lợi, nó giống như một doanh nghiệp tư nhân. Loại trường này cũng có thể do một nhóm người thành lập và thu lợi, nó giống như một công ty trách nhiệm hữu hạn. Họ sẽ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo chính sách thuế hiện hành của Nhà nước; phần lãi còn lại sẽ được phân chia cho các nhà đầu tư theo % vốn góp.

+ Loại thứ hai là loại trường tư thực phi lợi nhuận (hay không vì lợi nhuận). Loại trường này sử dụng nguồn thu đáp ứng cho các khoản chi, nếu còn dư (không quan niệm là “lợi nhuận”), thì không đem chia cho người góp vốn mà được để tái đầu tư vào sự nghiệp giáo dục, đào tạo. Và trường không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đã được Nhà nước quy định bằng các văn bản pháp lý hiện hành.

2. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội: sự lựa chọn mô hình

Trường do Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam thành lập với 21 người bỏ tiền đầu tư xây dựng trường từ năm 1994. Sau đó có thêm 7 người được Giáo sư Trần Phương chấp nhận góp vốn thành lập trường từ năm 1995. Ngày 15 tháng 6 năm 1996, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 405/TTg thành lập trường. Trong thời gian đó, các trường đại học ngoài công lập đều được “gắn” tên là “trường dân lập”. Nhưng đến năm 2005 - 2009 – 2014, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành các Quyết định sau:

- Quyết định số 14/2005/QĐ-TTg ngày 17 tháng 1 năm 2005 về “Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thực”;

- Quyết định số 61/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 1 năm 2009 về “Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thực”;

- Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 về “Điều lệ của trường đại học”.

Ngay từ những ngày đầu thành lập, dù mang tên Trường Đại học dân lập Quản lý và Kinh doanh Hà Nội, tiếp đó là Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, trường hoạt động theo mô hình của một trường đại học ngoài công lập, “dân lập” hay “tư thực”, đều với mục tiêu không vì lợi nhuận. Lựa chọn theo mô hình trên đây dựa trên nền tảng cấu trúc của một trường đại học ngoài công lập “tư thực” theo Quyết định của 3 văn bản do Thủ tướng Chính phủ ban hành còn dựa trên tôn chỉ, mục đích và quy chế hoạt động do trường đã ban hành.

3. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội vận dụng “Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thục” theo Quyết định số 61/2009-QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ

Xin trích nội dung một số điều trong Quyết định số 61/2009-QĐ-TTg nêu trên có tác động đến mô hình của Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội để tham khảo:

“Điều 1: Phạm vi và đối tượng điều chỉnh:... Trường đại học tư thục do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc cá nhân thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và bảo đảm kinh phí hoạt động bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước hoạt động theo quy chế này và điều lệ trường đại học, các quy định của pháp luật.

Điều 2: Trường đại học tư thục có tư cách pháp nhân có con dấu và được mở tài khoản tại các ngân hàng, kho bạc nhà nước.

Điều 4: Quản lý nhà nước đối với trường đại học tư thục: Trường đại học tư thục chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là UBND cấp tỉnh, nơi trường đặt trụ sở).

Điều 6: Nhiệm vụ quyền hạn của trường đại học tư thục: Nhiệm vụ và quyền hạn của trường đại học tư thục thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định pháp luật khác.

Trường đại học tư thục không được cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào mượn

danh nghĩa của trường để tiến hành các hoạt động bất hợp pháp, không đúng với tôn chỉ mục đích hoạt động của trường. Trường đại học tư thục chịu trách nhiệm về các hành vi vi phạm pháp luật của trường.

Điều 8: Cơ cấu tổ chức: Trường đại học tư thục có cơ cấu tổ chức đảm bảo yêu cầu về cơ cấu tổ chức quy định trong Điều lệ trường đại học và phù hợp với điều kiện, quy mô đào tạo trong từng giai đoạn phát triển của trường (Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014):

Cơ cấu tổ chức của trường đại học tư thục bao gồm:

- Hội đồng Quản trị;
- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- Ban Kiểm soát;
- Hội đồng Khoa học và Đào tạo;
- Các phòng (ban) chuyên môn;
- Các khoa và bộ môn trực thuộc trường;
- Các bộ môn trực thuộc khoa;
- Các tổ chức khoa học và công nghệ;
- Các cơ sở phục vụ đào tạo, dịch vụ, chuyển giao công nghệ và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc trường;
- Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể.

Điều 9: Đại hội đồng cổ đông:
 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và cổ đông phổ thông, trong đó cổ đông phổ thông không có quyền biểu quyết, nhưng có quyền tham gia ý kiến trong các cuộc họp.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a. Xác định mục tiêu, phương hướng phát triển; kế hoạch thực hiện hàng năm, từng giai đoạn; việc mở rộng, thay đổi, điều chỉnh ngành nghề quy mô và trình

độ đào tạo, định hướng hoạt động khoa học và công nghệ gắn với chiến lược phát triển của trường.

b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát của trường; giải quyết các yêu cầu về việc bổ sung, thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị.

c. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của trường.

d. Thông qua quy định về vốn có quyền biểu quyết và các quy định nội bộ khác của trường, như về tiêu chuẩn lựa chọn Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Hiệu trưởng.

đ. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động của trường.

3. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp thường niên bắt buộc họp mỗi năm một lần hoặc họp đột xuất theo quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc theo yêu cầu của cổ đông sở hữu trên 30% số cổ phần.

- Trong trường hợp Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng Quy chế tổ chức và hoạt động của trường thì Ban Kiểm soát được quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường, đồng thời thông báo cho Hội đồng Quản trị biết;

- Mọi chi phí cho việc triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông được tính trong kinh phí hoạt động của trường;

- Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện theo hình thức gửi giấy mời họp kèm theo dự kiến chương trình, nội dung cuộc họp và các tài liệu liên quan đến tất cả cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông trước ít nhất là 7 ngày so với ngày họp.

4. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được coi là tiên hành hợp lệ khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất là 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tham gia dự họp. Tỷ lệ cụ thể do Quy chế tổ chức và hoạt động của trường quy định không thấp hơn tỷ lệ này.

5. Nội dung các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi bằng biên bản và được thông qua ngay tại cuộc họp có chữ ký của người chủ trì và thư ký cuộc họp để lưu trữ. Việc thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được coi là có giá trị hiệu lực khi được số đông đại diện ít nhất là 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả số cổ đông dự họp chấp thuận. Tỷ lệ cụ thể do Quy chế tổ chức và hoạt động của trường quy định.

Điều 26: Chế độ tài chính:

1. Trường đại học tự thực hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện góp vốn, tự chủ về tài chính, tự cân đối thu chi, thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, thống kê, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành khác liên quan.

2. Trường đại học tự thực được quyền vay vốn của các tổ chức tín dụng để đầu tư mở rộng cơ sở vật chất nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và sản xuất cung ứng dịch vụ.

Trường đại học tự thực được Nhà nước cấp kinh phí để thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng.

Điều 27: Nguồn tài chính:

Nguồn tài chính của trường đại học tự thực gồm:

1. Vốn góp của các cổ đông và nguồn tài chính bổ sung từ kết quả hoạt động hàng năm của nhà trường.

2. Các nguồn tài chính khác bao gồm:

a. Học phí, lệ phí thu từ người học theo quy định của pháp luật.

b. Thu từ các hoạt động liên kết hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ khác của pháp luật.

c. Lãi tiền gửi tại Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng.

d. Các khoản đầu tư, tài trợ, viện trợ, ủng hộ, quà tặng (bằng tiền, bằng hiện vật) của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

đ. Vay vốn của các ngân hàng, tổ chức tín dụng, cá nhân.

e. Các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 28: Nội dung chi:

1. Chi tiền lương, phụ cấp lương, tiền công, tiền thưởng và các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động, các khoản chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường.

2. Các khoản chi cho người học; học bổng, khen thưởng.

3. Chi cho hoạt động văn hóa, thể thao.

4. Chi cho hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, dạy nghề, nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng công nghệ, phục vụ giảng dạy, học tập.

5. Chi quản lý hành chính.

6. Đầu tư phát triển cơ sở vật chất, chi trả tiền thuê, mượn cơ sở vật chất mua sắm tài sản, sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất, tài sản, trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

7. Trích khấu hao tài sản cố định.

8. Chi trả vốn vay và lãi vốn vay.

9. Chi cho các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

10. Các khoản chi khác theo quy định của trường (theo quy chế chi tiêu nội bộ) không trái với quy định của pháp luật.

Điều 29: Quản lý tài chính và tài sản:

1. Tài chính và tài sản của trường đại học tự thực được hình thành từ các nguồn thu quy định tại Điều 26 Quy chế này. Chế độ chi tiêu tài chính và sử dụng tài sản phải được Hội đồng Quản trị của trường quy định cụ thể, minh bạch.

2. Trường đại học tự thực có trách nhiệm báo cáo hoạt động tài chính hàng năm cho cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính liên quan ở địa phương.

3. Dự toán, quyết toán hàng năm của trường do Hiệu trưởng trình, Hội đồng Quản trị phê chuẩn và báo cáo công khai tại cuộc họp (hay hội nghị) Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

4. Định kỳ hàng năm, các tài sản của trường phải được kiểm kê đánh giá lại giá trị và kiểm toán theo quy định của pháp luật. Trường có thể tự quy định tỷ lệ khấu hao nhanh các tài sản cố định để thu hồi vốn nhưng không vượt quá mức trích khấu hao tối đa theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp. Trường đại học tự thực phải xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để làm cơ sở pháp lý điều hành tài chính của trường.

5. Tài sản của trường đại học tự thực bao gồm:

a. Tài sản do các tổ chức, các cá nhân đầu tư, góp vốn.

b. Tài sản tăng thêm nhờ kết quả hoạt động của trường.

c. Tài sản do hiến, tặng, cho, tài trợ.
d. Học phí, lệ phí thu từ người học theo quy định của pháp luật.

6. Quyền sở hữu tài sản.

Tài sản của trường đại học tư thục được hình thành từ vốn góp của các cổ đông thuộc sở hữu tư nhân của các tổ chức, cá nhân góp vốn theo số lượng cổ phần tài sản do biểu, tặng cho, tài trợ hoặc tăng thêm nhờ kết quả hoạt động của trường thuộc sở hữu chung của trường đại học tư thục. Tài sản thuộc sở hữu tư nhân hoặc sở hữu chung được Nhà nước bảo hộ theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện chế độ công khai tài chính và chấp hành công tác kiểm tra tài chính theo quy định của Nhà nước...

Phần thứ hai

Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học dân lập Quản lý và Kinh doanh Hà Nội

1. Những vấn đề chung

- Trường là một tổ chức hợp tác của những người lao động trí óc, tự nguyện góp sức, góp vốn để xây dựng và phát triển trường bền vững vì mục đích đào tạo nhân lực trình độ cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, không vì mục đích lợi nhuận;

- Trường là một đơn vị thành viên của Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam do Trung ương Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam thành lập và xây dựng theo mô hình tư thục, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của UBND thành phố Hà Nội;

- Trường được tổ chức và hoạt động theo “Quy chế trường đại học tư thục” do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo

Quyết định số 14/2005/QĐ-TTg ngày 17/1/2005; Quyết định số 61/2019 QĐ-TTg ngày 17/4/2009; Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014;

- Trường là một tổ chức tự chủ về tài chính, hoạt động theo pháp luật Nhà nước, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài khoản tiền Việt Nam và ngoại tệ tại ngân hàng, có trụ sở ở thủ đô Hà Nội;

- Trường có các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn sau:

+ Đào tạo về các ngành kinh tế, kinh doanh, quản lý, kỹ thuật công nghệ, bảo vệ sức khỏe, ngoại ngữ,... với các bậc học đại học, sau đại học và với các hình thức đào tạo chính quy vừa học vừa làm, liên thông, trực tuyến.

+ Trường lấy đào tạo nghề nghiệp, thực hành làm định hướng chủ yếu; lấy chất lượng làm mục tiêu hàng đầu, không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo; Nghiên cứu khoa học về kinh tế, kinh doanh quản lý, phát triển kỹ thuật công nghệ... nhằm không ngừng hoàn thiện phương pháp và nội dung đào tạo; Thực hiện dịch vụ tư vấn về kinh doanh và các dịch vụ kỹ thuật công nghệ.

+ Hợp tác quốc tế về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phù hợp với các chức năng của trường và các quy định của Nhà nước.

2. Về cổ phần, cổ đông, đại hội đồng cổ đông

- Về cổ phần: là số tiền do từng người góp lại để tạo thành vốn hoạt động của trường. Mỗi cổ phần được ấn định là một triệu đồng Việt Nam. Số tiền này được ấn định căn cứ vào giá trị của đồng Việt Nam ở thời điểm thành lập trường (tháng

6 năm 1996). Những khoản góp cổ phần sau thời điểm đó phải tính đến chỉ số giá cả (CPI) để tăng hay giảm. Mức tăng hay giảm này do Hội đồng Quản trị công bố cho từng thời điểm. Giấy chứng nhận cổ phần là giấy chứng nhận ghi danh;

- Về cổ đông: để trở thành cổ đông, ngoài các thủ tục để được kết nạp công nhận là cổ đông của trường, phải có mức góp tối thiểu 10 (mười) cổ phần. Không phân định mức góp tối đa. Cổ đông có quyền dự Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải hết lòng, hết sức trong phạm vi khả năng của mình góp phần vào việc xây dựng trường. Tuân thủ Quy chế và các quy định của trường, tham gia tích cực vào công việc của Đại hội đồng cổ đông, chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị.

- Nghĩa vụ của cổ đông:

+ Hết lòng, hết sức trong phạm vi khả năng của mình góp phần vào việc xây dựng và phát triển trường.

+ Bài trừ mọi hành vi tác hại đến lợi ích và thanh danh của trường, hoặc lợi dụng danh nghĩa của trường để mưu lợi ích riêng.

+ Xây dựng quan hệ hợp tác trung thực giữa các cổ đông với nhau, hình thành một tập thể đoàn kết, vì sự nghiệp cao cả của trường,... Bài trừ mọi hành vi chia rẽ, gây rối nội bộ,...

+ Người nào làm trái các nghĩa vụ trên thì Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu rút khỏi danh sách cổ đông.

+ Cổ đông được chuyển nhượng cổ phần và rút vốn theo quy định của “Quy chế tổ chức và hoạt động” của trường đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ đại hội.

- Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là chủ tập thể của trường, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của trường. Đại hội đồng cổ đông họp thường kỳ mỗi năm một lần để thảo luận các báo cáo, các đề án của Hội đồng Quản trị, của Ban Kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và các yêu cầu khác được quy định trong “Quy chế tổ chức và hoạt động” của trường...

3. Về Tổ chức bộ máy

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường gồm có:

- Hội đồng Quản trị;

- Ban Kiểm soát;

- Ban Giám hiệu gồm: Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;

- Các tổ chức trực thuộc Ban Giám hiệu, bao gồm:

+ Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

+ Các phòng, ban chức năng.

+ Các khoa trực thuộc Ban Giám hiệu.

+ Các tổ chức nghiên cứu khoa học, dịch vụ khoa học và dịch vụ đào tạo.

- Các tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội.

Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi tổ chức bộ máy của trường đều được ban hành theo Quyết định của cấp có thẩm quyền của trường.

4. Về cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học:

- Cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường làm việc theo chế độ hợp đồng dài hạn, ngắn hạn, được hưởng tiền lương và thù lao theo số lượng và chất lượng lao động thực tế cống hiến, được khen thưởng và đãi ngộ theo các quy định của trường.

Cán bộ, nhân viên, giảng viên cơ hữu là những người ký hợp đồng dài hạn từ 1 năm trở lên, được trường đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động; nếu vi phạm quy định thì bị xử lý kỷ luật.

Các giảng viên, nhà khoa học, nhà quản lý thuộc biên chế Nhà nước có thể làm việc cho trường theo chế độ thỉnh giảng, phù hợp với quy định của Nhà nước.

- Về người học: Ở các bậc học, các hình thức đào tạo được nhập học theo quy chế tuyển sinh và thực hiện đầy đủ các quy định của “Quy chế sinh viên, học viên” do trường ban hành.

5. Vốn - Tài sản và tài chính:

1/ Vốn - Tài sản và tài chính của trường bao gồm các nội dung sau:

- Vốn điều lệ của trường gồm 2 thành phần: Vốn góp cổ phần của các cổ đông. Vốn này thuộc sở hữu cá nhân của các cổ đông. Quỹ tích lũy không chia hình thành từ Quỹ phát triển, Quỹ dự phòng,... được tích tụ qua các năm từ ngày thành lập trường, đó là “Quỹ tích lũy không chia thuộc sở hữu tập thể của các cổ đông”. Quỹ này tạo lập nên trụ sở, cơ sở học tập, tài sản phục vụ cho học tập, v.v. Đó là cơ sở vật chất vững chắc cho sự trường tồn của trường.

2/ Nguồn thu của trường gồm có:

- Vốn góp (cổ phần) của các cổ đông;
- Học phí, lệ phí thu của người học;
- Thu từ dịch vụ đào tạo và các dịch vụ khác;

- Thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và hợp tác đào tạo, hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng bản quyền và sở hữu trí tuệ;

- Các khoản tích lũy từ kết quả hoạt động hàng năm của trường;

- Lãi tiền gửi ngân hàng;
- Thanh lý tài sản;
- Các khoản tài trợ, viện trợ, ủng hộ, quà tặng của các tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài;
- Các khoản tiền vay;
- Các khoản thu khác.

3/ Các khoản chi của trường gồm có:

- Chi thường xuyên: Chi tiền lương, chi thù lao giờ giảng; Chi cho đào tạo; Chi cho hoạt động giảng dạy; Các khoản cho người học; Chi cho quản lý hành chính; Chi trả tiền thuê trường sở; Chi mua sắm tài sản; Chi mua sắm thiết bị đào tạo; Chi trả lợi tức vốn góp, lãi tiền vay; Trích khấu hao tài sản cố định; Trợ cấp nghỉ việc; Trợ cấp khó khăn; Chi cho hoạt động nhân đạo từ thiện; Chi phí tuyển sinh; Các khoản chi khác;

- Chi cho đầu tư phát triển: Xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn nhà cửa,...

4/ Sử dụng thu nhập ròng của trường:

- Thu nhập hàng năm trừ chi phí nếu có số dương là thu nhập ròng, được sử dụng như sau:

+ Lập quỹ dự phòng; Quỹ phúc lợi; Quỹ phát triển.

6. Thanh tra - Kiểm tra:

- Trường tổ chức công tác tự thanh tra, kiểm tra các hoạt động của trường theo quy định hiện hành. Trường chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Trường không cho phép bất cứ cá nhân hoặc tổ chức nào lợi dụng danh nghĩa của trường hoặc sử dụng các cơ sở của trường để tiến hành các hoạt động không phù hợp với tôn chỉ, mục đích của trường./.